

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc;

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 617/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Út H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông T và bà H kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2011. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên ông Trương Văn T xin được ly hôn với bà Nguyễn Út H.

- Về con chung: Có 03 người con tên Trương Bé H1, sinh ngày 12/01/2009 (nữ), Trương Quốc Th, sinh ngày 09/02/2012 (nam) và Trương Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2016 (nữ), hiện sống chung với ông T. Khi ly hôn 02 người con tên Bé

H1 và Th có nguyện vọng ở với ai thì người đó chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, còn người con tên Ng ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin vắng mặt ngày 10 tháng 01 năm 2023 bị đơn bà Nguyễn Út H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Út H đồng ý ly hôn với ông Trương Văn T.

- Về con chung: Có 03 người con tên Trương Bé H1, sinh ngày 12/01/2009 (nữ), Trương Quốc Th, sinh ngày 09/02/2012 (nam) và Trương Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2016 (nữ), hiện sống chung với ông T. Khi ly hôn bà H đồng ý giao 03 người con cho ông T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trương Văn T và bị đơn bà Nguyễn Út H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà H kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 30 tháng 9 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà H được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, ông T xin ly hôn với bà H là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Về phía bà H cũng có văn bản thể hiện đồng ý ly hôn với ông T, từ đó cho thấy bà H cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Ông T được ly hôn với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Ông T xác định có 03 người con tên Trương Bé H1, sinh ngày 12/01/2009 (nữ), Trương Quốc Th, sinh ngày 09/02/2012 (nam) và

Trương Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2016 (nữ), hiện sống chung với ông T. Khi ly hôn 02 người con tên Bé H1 và Th có nguyện vọng ở với ai thì người đó chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, còn người con tên Ng ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Bé H1 và Quốc Th thì cháu Bé H1 và Quốc Th đều có nguyện vọng muốn sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, đối với cháu Ng thì bà H cũng đồng ý giao cho ông T nuôi con. Do đó, giao cháu Trương Bé H1, sinh ngày 12/01/2009 (nữ), Trương Quốc Th, sinh ngày 09/02/2012 (nam) và Trương Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2016 (nữ) cho ông T có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn T. Ông Trương Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Út H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Trương Văn T nuôi dưỡng và chăm sóc 03 người con tên Trương Bé H1, sinh ngày 12/01/2009 (nữ), Trương Quốc Th, sinh ngày 09/02/2012 (nam) và Trương Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2016 (nữ).

Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008571 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Định Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo